TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liễng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Tú Nhi.

2. Ông Tô Văn Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1187/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Chị Bùi Phương M, sinh năm 1975; thường trú: Số 18/53, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ *Bị đơn:* Anh Đặng Văn K, sinh năm 1970; thường trú: Số 2/37, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Phương M và anh Đặng Văn K có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm 06 tháng thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường Dthị xã D, tỉnh Bình Dương) theo giấy chứng nhận kết hôn số 116/96, quyển số 02 ngày 14/5/1996.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 18/53, khu phố B, phường D thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh K bỏ nhà không sinh sống cùng chị M nữa. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Thị Huỳnh N, sinh ngày 12/02/1996 và Đặng Ngọc S, sinh ngày 12/02/2005. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu N hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Hiện nay, chị M làm công việc tự do, thu nhập 01 tháng từ 8 triệu đến 9 triệu đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Phương M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Đặng Văn K*: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21/02/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 12/3/2020 và ngày 31/3/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 12/3/2020 và ngày 31/3/2020 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Phương M và anh Đặng Văn K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương) theo giấy chứng nhận kết hôn số 116/96, quyển số 02 ngày 14/5/1996 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Bùi Phương M xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường D nhưng Hội liên hiệp phụ nữ không biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh K đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K không đến, đồng thời chị M có đơn từ chối hòa giải. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Phương M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Ngọc S, sinh ngày 12/02/2005. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi sống ly thân đến nay cháu S sống với mẹ vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Quá trình tố tụng, anh K không có ý kiến gì về việc chị M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng thời tại bản tự khai ngày 10/02/2020, cháu Sang có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Đặng Thị Huỳnh N, sinh ngày 12/02/1996 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị M nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Phương M phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Phương M về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Đặng Văn K .

1.1 Về hôn nhân: Chị Bùi Phương M được ly hôn với anh Đặng Văn K [Giấy chứng nhận kết hôn số 116/96, quyển số 02 ngày 14/5/1996 do Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp].

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Đặng Ngọc S, sinh ngày 12/02/2005 cho chị Bùi Phương M trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Bùi Phương M và anh Đặng Văn K đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Phương M không yêu cầu anh Đặng Văn K cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Phương M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0039794 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã D (01);
- CCTHA DS thị xã D (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Liễng